TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2025
Về việc: Tranh chấp ly hôn,
Nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Ông Trịnh Hữu Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Ảnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 424/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984 *(có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố L, thị trấn N, huyện C, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng Q, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố L, thị trấn N, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày*:

Qua quá trình tìm hiểu, bà và ông Trần Hoàng Q tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 219 ngày 24/9/2004). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời thì đến khoảng cuối năm 2002 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm thấy tiếng nói chung. Từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay, bà và ông Q sống ly thân. Trong thời gian này, hai bên đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không có kết quả gì.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoàng Q.

- Về con chung: Bà và ông Q có 01 con chung: Trần Nguyễn Uyên P, sinh ngày 17/10/2004. Nay, cháu P đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Hoàng Q:* Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Hoàng Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng ông Q trình bày: Qua quá trình tìm hiểu, bà Nguyễn Thị Thu H và ông tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh B (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 219 ngày 24/9/2004). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời thì đến khoảng cuối năm 2002 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm thấy tiếng nói chung. Từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay, bà H và ông Q sống ly thân. Trong thời gian này, hai bên đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không có kết quả gì.

Nay, ông vẫn còn tình cảm với vợ nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Bà H và ông Q có 01 con chung: Trần Nguyễn Uyên P, sinh ngày 17/10/2004. Nay, cháu P đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến Hnh tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định

đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Về con chung: Bà H và ông Q có 01 người con chung là cháu Trần Nguyễn Uyên P, sinh ngày 17/10/2004. Cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; nơi cư trú hiện nay của ông Trần Hoàng Q là tại thị trấn N, huyện C, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Hoàng Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhuyện C, tỉnh B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 219, quyển số 02/04 ngày 14/9/2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Từ tháng 8/2024 cho đến nay, bà H và ông Q đã sống ly thân. Trong quá trình ly thân thì hai bên vẫn không giải quyết được mâu thuẫn để Hn gắn vợ chồng.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Hoàng Q ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Hoàng Q có 01 con chung: Trần Nguyễn Uyên Phương, sinh ngày 17/10/2004. Cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Trần Hoàng Q về việc "Tranh chấp ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Hoàng Q.

- Về nuôi con chung: Bà H và ông Q có 01 con chung là cháu Bà H và ông Q có 01 con chung: Trần Nguyễn Uyên Phương, sinh ngày 17/10/2004. Cháu P đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0001472 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Như vậy, bà H đã nộp xong.

3. Trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Châu Đức
- TAND tỉnh BR-VT.
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- UBND TT. N, H.C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh